TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/KDTM- PT
Ngày 16/03/2018
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Thành

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trần Thu Hằng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/03/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 127/2017/TLPT-KDTM ngày 21/11/2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM- ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXX- PT ngày 22/01/2018, giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP CTVN**

Trụ sở: số 108 phố THĐ, quận HK, TP Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: ông Chu Văn H, bà Nguyễn Thị TH, bà Đào TV (theo Văn bản ủy quyền số 345/UQ- HĐQT- NHCT 18 ngày 16/5/2016) (bà TV có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: **Công ty CP xuất nhập khẩu TH1 VN**

Trụ sở: số 46 phố NQ, phường HB, quận HK, TP Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn TQ (theo Giấy ủy quyền số 48/UQ- TH1 ngày 19/9/2017) (bà Q có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM- ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thì vụ án có nội dung như sau:

Theo nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP CTVN (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty CP xuất nhập khẩu TH1 VN (sau đây gọi tắt là bị đơn) đã có quan hệ tín dụng từ năm 2003, Hợp đồng tín dụng mới nhất số 01/2015-HĐTDHM/NHCT106- GENERALEXIM ký ngày 15/09/2015 (sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 01/2015) và các hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn với nguyên đơn.

Sau khi ký hợp đồng, bị đơn được nguyên đơn giải ngân tính đến ngày 01/10/2015 với tổng số tiền là 2,965,948.76 USD nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản suất kinh doanh xuất nhập khẩu. Chi tiết các khoản nợ vay phát sinh sắp xếp theo thứ tự ngày đến hạn trả nợ như sau:

Hợp đồng tín dụng	Số Giấy nhận nợ	Số tiền giải ngân (USD)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn vay (tháng)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn
01/2015-HĐTDHM/NHCT106-GENERALEXIM	126	52,266.00	5	3	03/07/2015	05/10/2015
	99	71,185.91	5	5	06/05/2015	06/10/2015
	130	14,760.90	5	2	06/08/2015	06/10/2015
	102	92,336.00	5	5	07/05/2015	07/10/2015
	103	69,308.00	5	5	08/05/2015	08/10/2015
	108	79,585.00	5	5	13/05/2015	13/10/2015
	111	65,548.00	5	5	18/05/2015	19/10/2015
	112	51,750.00	5	5	18/05/2015	19/10/2015
	134	50,590.00	5	2	20/08/2015	20/10/2015
	125	229,673.00	5	4	29/06/2015	29/10/2015
	129	25,947.00	5	3	31/07/2015	02/11/2015
	98	92,721.00	5	6	05/05/2015	05/11/2015
	100	92,635.00	5	6	06/05/2015	06/11/2015
	101	83,102.00	5	6	07/05/2015	09/11/2015
	127	53,897.00	5	4	09/07/2015	09/11/2015

Hợp đồng tín dụng	Số Giấy nhận nợ	Số tiền giải ngân (USD)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn vay (tháng)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn
01/2015-HĐTDHM/NHCT 106-GENERALEXIM	106	54,965.00	5	6	11/05/2015	11/11/2015
	115	178,000.00	5	5	12/06/2015	12/11/2015
	107	79,367.00	5	6	13/05/2015	13/11/2015
	109	56,114.00	5	6	13/05/2015	13/11/2015
	110	43,608.00	5	6	14/05/2015	16/11/2015
	117	114,836.00	5	5	15/06/2015	16/11/2015
	118	172,334.00	5	5	17/06/2015	17/11/2015
	120	116,613.00	5	5	18/06/2015	18/11/2015
	121	86,856.00	5	5	19/06/2015	19/11/2015
	122	104,903.00	5	5	23/06/2015	23/11/2015
	124	27,377.00	5	5	26/06/2015	26/11/2015
	01	223,600.00	5	2	01/10/2015	01/12/2015
	132	116,403.00	5	5	18/08/2015	18/01/2016
	133	42,400.00	5	5	19/08/2015	19/01/2016
	135	169,600.00	5	5	21/08/2015	21/01/2016
	136	77,020.00	5	5	27/08/2015	27/01/2016
	137	176,647.95	5	5	31/08/2015	01/02/2016
	TỔNG	**2,965,948.76**				

Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Từ ngày 05/10/2015, khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 01/2015 đến thời hạn trả gốc, lãi nhưng bị đơn không thực hiện việc trả nợ.

Căn cứ các điều khoản quy định trong Hợp đồng tín dụng số 01/2015 đã ký và khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn đã khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay, nợ lãi tính đến ngày 25/10/2016 là 3,066,070.93 USD và số tiền lãi vay, tiền lãi phạt quá hạn phát

sinh sau ngày 25/10/2016 (kể cả lãi chậm thi hành án), cụ thể như sau:

- Nợ gốc là 2,849,796.85 USD;

- Nợ lãi trong hạn là 153,678.50 USD;

- Nợ lãi quá hạn là 62,595.58 USD.

2. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn đề nghị Tòa án cho xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015 ngày 15/9/2015 đã thế chấp tại Ngân hàng và các tài sản thuộc sở hữu của bị đơn để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Ngày 15/11/2016, tại đơn sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện nguyên đơn đã bổ sung yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay, nợ lãi tính đến ngày 25/10/2016 và số tiền lãi vay, tiền lãi phạt quá hạn phát sinh sau ngày 25/10/2016 (kể cả lãi chậm thi hành án), cụ thể như sau:

- Nợ gốc là 2,849,796.85 USD;

- Nợ lãi trong hạn là 153,678.50 USD;

- Nợ lãi quá hạn là 62,595.58 USD.

Quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá quy đổi vào 25/10/2016 là 22.033 VNĐ/USD.

Tổng dư nợ là 67.554.740.801 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 62.789.573.996 đồng;

- Nợ lãi trong hạn là 3.385.998.391 đồng;

- Nợ lãi quá hạn 1.379.168.414 đồng.

2. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn đề nghị Tòa án xử lý các tài sản thuộc sở hữu của bị đơn để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đưa ra những số liệu về nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn của bị đơn, tính đến ngày 23/8/2017 và đề nghị Tòa án giải quyết là buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 23/8/2017 là 3,243,971.98 USD, cụ thể như sau:

- Nợ gốc là 2,848,896.85 USD;

- Nợ lãi trong hạn là 272,966.15 USD;

- Nợ lãi quá hạn là 122,108.98 USD.

Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý

các tài sản thuộc sở hữu của bị đơn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong thì bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi suất nợ quá hạn theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng trên số dư nợ gốc chậm trả.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn xác nhận bị đơn và nguyên đơn đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2015 ngày 15/09/2015 với mục đích vay tiền nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản suất kinh doanh xuất nhập khẩu. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện được việc trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn do việc kinh doanh gặp khó khăn.

Về số liệu nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán, bị đơn xác nhận số nợ gốc là 2,879,796.85 USD. Bị đơn không công nhận số nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn với các lý do: Căn cứ theo mục d khoản 2 Điều 3 của Quyết định số 652/2001/QĐ- NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy định phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng nhà nước và các Tổ chức tín dụng có quy định "trong các trường hợp khách hàng vay còn số dư nợ quá hạn thì Ngân hàng nhà nước và các Tổ chức tín dụng sẽ thu gốc trước và tận thu lãi khi khách hàng có tiền". Tại thời điểm ngày 22/9/2015, bị đơn phát sinh nợ quá hạn, nguyên đơn vẫn thu nợ lãi từ khoản nợ vay của bị đơn từ thời điểm quá hạn cho đến hết 31/12/2015 là 190.868.994 đồng và 2,717.30 USD. Điều này là trái với Quyết định số 652/2001/QĐ- NHNN. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 62.789.573.996 đồng (quy đổi), số tiền này không đúng, không phù hợp với chứng từ bị đơn theo dõi, có sự chênh lệnh 251.236.568 đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM- ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng số 01/2015 ngày 15/09/2015" đối với bị đơn.

2. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 23/8/2017:

- Nợ gốc là 2,837,599.50 USD;

- Nợ lãi trong hạn là 277,484.87 USD;

- Nợ lãi quá hạn là 126,852.81 USD.

Tổng số nợ gốc và nợ lãi là 3,241,937.18 USD.

Quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá quy đổi vào 04/9/2017 là 22.434 VNĐ/USD là 72.729.618.696 VNĐ.

3. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thuộc sở hữu của bị đơn để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

4. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2015 kể từ sau ngày 23/8/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì bị đơn phải thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn theo sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn. Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên, bị đơn đã làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn chỉ nợ nguyên đơn theo Hợp đồng số tín dụng số 01/2015 với số nợ gốc là 223,600 USD được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: trong Hợp đồng tín dụng số 01/2015 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận tại điểm b Điều 1.03 và Điều 2.01 là nếu tại thời điểm ký hợp đồng này, bên vay còn các khoản nợ (gốc, lãi) chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng cho vay theo phương thức hạn mức trước đó thì toàn bộ nợ gốc chưa thanh toán được tính vào hạn mức cho vay của hợp đồng này. Dư nợ gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng cho vay theo phương thức hạn mức trước đó sẽ được điều chỉnh theo Hợp đồng này. Ngoài ra, tại phiên hòa giải do Tòa án sơ thẩm đã tổ chức người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng đã thừa nhận toàn bộ dư nợ gốc là 2,837,599.50 USD và lãi của số tiền này.

Do đó, kháng cáo của bị đơn là bị đơn chỉ nợ nguyên đơn theo Hợp đồng số tín dụng số 01/2015 với số nợ gốc là 223,600 USD được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015 là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng bị đơn chỉ nợ nguyên đơn theo Hợp đồng số tín dụng số 01/2015 với số nợ gốc là 223,600 USD. Trên thực tế bị đơn còn nợ nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 2,837,599.50 USD, nhưng đây là của Hợp đồng tín dụng trước đó, để đòi toàn bộ số tiền này nguyên đơn phải khởi kiện cả Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT10- XNK ngày 10/09/2014. Tòa án

sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là vượt quá yêu cầu khởi kiện Hợp đồng tín dụng số 01/2015, do đó bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đã được tranh luận và trình bày căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại điểm b Điều 1.03 và Điều 2.01 Hợp đồng tín dụng số 01/2015 và Phụ lục I của Hợp đồng tín dụng số 01/2015 để bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

Bị đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn chỉ nợ nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015 với số nợ gốc là 223,600 USD được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng này.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng tín dụng số 01/2015 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị bắt buộc thi hành đối với các bên. Tại điểm b Điều 1.03 của Hợp đồng có quy định là nếu tại thời điểm ký hợp đồng này, bên vay còn các khoản nợ (gốc, lãi) chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng cho vay theo phương thức hạn mức trước đó thì toàn bộ nợ gốc chưa thanh toán được tính vào hạn mức cho vay của hợp đồng này. Dư nợ gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng

cho vay theo phương thức hạn mức trước đó sẽ được điều chỉnh theo Hợp đồng này.

Theo quy định tại Điều 2.01 của Hợp đồng tín đồng số 01/2015 thì hạn mức cho vay tại mọi thời điểm không vượt quá 80.000.000.000 VNĐ. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ, số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay phát sinh được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT10- XNK ngày 10/09/2014 ký giữa bên cho vay với bên vay theo liệt kê chi tiết tại Phụ lục I Hợp đồng này.

Tại Phụ lục I của Hợp đồng tín dụng số 01/2015 thể hiện có 38 giấy nhận nợ với tổng số tiền nợ gốc là 3,249,312.18 USD.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2015, nguyên đơn đã tiến hành việc giải ngân cho bị đơn theo giấy nhận nợ số 01 ngày 01/10/2015 với số tiền 223,600 USD. Việc nguyên đơn giải ngân cho bị đơn bằng tiền Đô La Mỹ là không trái với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng số 01/2015 mà hai bên đã ký kết cũng như các khế ước nhận nợ của hai bên. Tổng số tiền nguyên đơn đã giải ngân là 3,472,912.18 USD tương ứng với 78.209.982.293 VNĐ (tỷ giá quy đổi tương ứng là 22.520 VND/USD vào ngày 09/12/2015) là không vượt quá hạn mức cho vay là 80.000.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã gửi thông báo về việc nhắc nợ cho bị đơn, hai bên có nhiều buổi làm việc để giải quyết việc nợ quá hạn của bị đơn nhưng không đạt được kết quả.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc và nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn theo quy định tại Điều 9.01 và Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số 01/2015 là phù hợp với quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

Xét cách tính lãi suất nợ trong hạn, lãi suất nợ quá hạn của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy là căn cứ vào thỏa thuận giữa các bên tại khoản 3.01 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 01/2015 về lãi suất cho vay thì nguyên đơn tính lãi suất nợ trong hạn, nợ quá hạn cụ thể trên các khế ước nhận nợ là 5%/năm đối với lãi trong hạn, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là hoàn toàn đúng với thỏa thuận. Việc nguyên đơn áp dụng mức lãi suất không có sự thay đổi tính từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày khởi kiện đến Tòa án là phù hợp với các Văn bản công bố lãi suất của nguyên đơn áp dụng đối với tất cả các khách hàng trong giai đoạn này. Phương thức tính lãi trong hạn, lãi quá hạn đã đảm bảo theo quy định của pháp luật và đúng với thỏa thuận đã được hai bên ký kết trong Hợp đồng tín dụng số 01/2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn xác nhận sau thời điểm quá hạn nguyên đơn đã thu của bị đơn số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 11,296.32 USD, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã đồng ý trừ số tiền đã thu vào nợ gốc của bị đơn, ý kiến này của nguyên đơn là phù hợp với Điều 3 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam và thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2015 nên được Tòa án sơ thẩm chấp nhận là hoàn toàn có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không có ý kiến gì và không có kháng cáo đối với số tiền này trong Bản án sơ thẩm.

Bị đơn kháng cáo cho rằng bị đơn chỉ nợ nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số tín dụng số 01/2015 với số nợ gốc là 223,600 USD là không phù hợp với nội dung hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2015 và phụ lục Hợp đồng, cụ thể thỏa thuận tại điểm b Điều 1.03 Hợp đồng hai bên đã thỏa thuận là nếu tại thời điểm ký Hợp đồng này, bên vay còn các khoản nợ (gốc, lãi) chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng cho vay theo phương thức hạn mức trước đó thì toàn bộ nợ gốc chưa thanh toán được tính vào hạn mức cho vay của hợp đồng này. Dư nợ gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng cho vay theo phương thức hạn mức trước đó sẽ được điều chỉnh theo Hợp đồng này. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận theo hướng sửa lại Bản án sơ thẩm.

Về án phí: do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 293, 294 và 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối năm 2013;

- Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM - ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP CTVN về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT106-GENERALEXIM ngày 15/09/2015" đối với Công ty CP xuất nhập khẩu TH 1 VN;

3. Buộc Công ty CP xuất nhập khẩu TH 1 VN trả cho Ngân hàng TMCP CTVN số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 23/8/2017, là:

- Nợ gốc là 2,837,599.50 USD (hai triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi chín Đô La Mỹ và năm mươi Cents);

- Nợ lãi trong hạn là 277,484.87 USD (hai trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi tư Đô La Mỹ và tám mươi bảy Cents);

- Nợ lãi quá hạn là 126,852.81 USD (một trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi hai Đô La Mỹ và tám mươi mốt Cents).

Tổng số nợ gốc và nợ lãi là 3,241,937.18 USD (ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn chín trăm ba mươi bảy Đô la Mỹ và mười tám Cents).

Quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá quy đổi vào ngày 04/9/2017 là 22.434 VNĐ/USD là 72.729.618.696 (bảy mươi hai tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu sáu trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi sáu) đồng.

4. Trong trường hợp Công ty CP xuất nhập khẩu TH 1 VN không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP CTVN có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thuộc sở hữu của Công ty CP xuất nhập khẩu TH1 VN để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty CP xuất nhập khẩu TH 1 VN.

5. Công ty CP xuất nhập khẩu TH1 VN còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2015- HĐTDHM/NHCT106-GENERALEXIM ngày 15/09/2015 kể từ sau ngày 23/8/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

6. Về án phí: Công ty CP xuất nhập khẩu TH 1 VN phải chịu 180.729.618 (một trăm tám mươi triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm mười tám) đồng và 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền án phí phúc thẩm. Xác nhận Công ty CP xuất nhập khẩu TH 1 VN đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng tại Biên lai số 2278 ngày 05/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Ngân hàng TMCP CTVN được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 87.700.000 (tám mươi bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 01666 ngày 16/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THA dân sự quận Hoàn Kiếm;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành